

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 66

Phẩm 24: CA-DIỆP (Phần 4)

- Giải thích rộng việc Nhất-xiển-đề chấp không có nhân quả.
- Nói về nghĩa Xiển-đề sinh gốc lành.
- Nói về nghĩa Xiển-đề dứt gốc lành ba đời.
- Nói về nghĩa người dứt gốc lành có Phật tánh.
- Giải thích rộng về năm thứ, sáu thứ, bảy thứ nghĩa Phật tánh của Cửu trụ, Bát trụ v.v... .

- Nói rộng về cách giải thích Phật tánh khác nhau, đều mất Trung đạo.

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Người Thiện nam dứt mất gốc lành”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Muốn thưa hỏi về người dứt điều lành, trước hỏi nghi ngờ: Chấp đắm là gì?”

Bồ tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Hạng người nào dứt mất gốc lành? Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Hỏi hai căn tánh lợi độn vì sao dứt mất gốc lành.

“Thiện nam! Nếu có người thông minh trí tuệ, căn tánh nhạy bén thì sẽ khéo phân biệt.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là “Lược thứ sáu, nói rộng về khởi tà kiến, nên dứt gốc lành.”

“Xa lìa bạn lành, không nghe chánh pháp, không khéo tư duy, không trụ đúng pháp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dứt điều lành và Chánh định, đều do căn cơ nhạy bén. Vì sao? Vì nếu gần gũi bạn lành bên ngoài thì chánh, nếu xa lìa bạn lành bên ngoài thì đọa. Đây là nói mở đầu của dứt điều lành. Thứ tư là nói về phần tà kiến.”

Đạo Tuệ ghi: Tà kiến phá rằng: “Không bố thí có sáu việc.”

“Người thông minh này lại nghĩ rằng không có cha, không có mẹ”

cho đến “Phải biết rằng, người này sẽ dứt gốc lành.”

Xét: Đạo Tuệ ghi: “Không có cha, mẹ có sáu việc.”

“Lại nghĩ rằng, tất cả thế gian” cho đến vì thế nêu biết không có quả thiện ác.

Xét: Pháp sư Đạo tuệ ghi rằng: cho là không thiện ác có ba việc. Lại nghĩ rằng tất cả thế gian cho đến. “Khi thực hành quán này, sẽ dứt gốc lành.”

Xét: Đạo Tuệ ghi: “Nêu sáu việc, phá Thánh đạo, Niết-bàn, không có bậc Thánh.”

“Này người thiện nam! Nếu có chúng sinh nào chấp sâu không nhân, không quả như vậy” cho đến “Và ba đường ác, người nào phá tăng cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kết thúc về người dứt gốc lành, phải là trí nhạy bén, không hiểu được đúng. Từ si khởi kiến, suy tìm, chấp sai lầm.”

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Lúc nào sẽ sinh gốc lành trở lại?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sinh phần thiện thứ năm, từ bít lấp, mong được đi suốt qua, người chấp nghiêng lệch, không thể phân biệt có thể dứt gốc lành, người không chấp thì sẽ thứ lớp lại sinh gốc lành. Sau đây, nói Phật tánh không nhất định. Về sự, phải phân biệt, tức là nghĩa sinh ra gốc lành.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Phần thứ hai trong đoạn lớn, nói về sinh gốc lành trở lại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: Đây là “Phần thứ năm trong đoạn lớn, nói về sinh gốc lành trở lại. Dù rằng chúng sinh dứt gốc lành, nhưng vẫn được phát tâm chán khổ trong khi đang chịu khổ, nên sinh gốc lành trở lại, nối nhau không dứt cho đến khi thành Phật. Nhưng y theo đoạn văn này, lời văn rất rộng lớn bao la, lược chia thành năm phần:

1. Trước, nói về lại sinh gốc lành, quyết định tánh nhân quả.
2. Nói về hạnh Trung đạo.
3. Dẫn ba lời của Phật, làm cho vật thể hư hoại, nói lời Phật rộng lớn, không thể chấp nhất định.
4. Nói Phật tánh là có hay không.
5. Nói về được, mất để kết thúc ở trên.

“Phật nói: “Này người thiện nam! Người này có hai thời gian sinh gốc lành trở lại, là khi mới vào địa ngục và lúc ra khỏi địa ngục.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lúc mới chịu khổ, thì tâm cảm

thấy ăn năn, tức là khéo sinh gốc lành trở lại. Nếu chịu khổ éo ngặt tốt độ, tâm bấn loạn mê muội, không biết hối hận, đến khi được ra khỏi địa ngục, mới biết ăn năn.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đó là hạng người căn cơ nhạy bén.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu là hạng người căn cơ nhạy bén, như năm trăm Bà-la-môn..., thì vừa vào địa ngục là sinh ra gốc lành ngay, vì những người này thông minh, cũng vì từ trước đến nay chưa trải qua khổ cùng cực. Nay, quả báo đọa địa ngục, biết ngay là khổ sâu nặng, liền sẽ suy nghĩ, tìm kiếm, tỏ ngộ những gì mình đã làm điều phi lý, liền sửa đổi tâm. Nếu căn tánh nhỏ mọn, lại không như lúc đến, khi ra khỏi địa ngục quả báo thừa đời sau, mới có thể sửa đổi, trong đó có hàng muôn nẻo đường không thể nhất định được.”

Đạo Tuệ ghi: Mới vào địa ngục chịu khổ mới như vậy, thần minh chưa tối tăm, vẫn còn nhận thức đúng. Về sau, khi ra khỏi địa ngục, các khổ phải chịu được giảm nhẹ, người ấy sẽ lần lượt sinh tâm, đó là lý do có hai thời gian sẽ được sinh gốc lành trở lại.”

“Này người thiện nam! Gốc lành có ba thứ” cho đến “Vì dứt gốc lành ba đời, nên gọi là đoạn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì quá khứ đã diệt vô, nên không thể dứt. Vì vị lai chưa đến, nên không cần nói. Cắt đứt nhân hai đời, gọi là đoạn, nghĩa là vì một ý nghĩ thiện ở hiện tại làm nhân có thể sinh ra pháp lành đời sau. Hiện nay vì tà kiến đã che lấp tâm lành này, làm cho không sinh được, nên gọi là cắt đứt nhân ba đời.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói dứt pháp lành ba đời, cho nên không gọi là dứt quả quá khứ, nghĩa là nếu nhân quá khứ cảm quả, đã nhất định thì quả báo sẽ sinh ở đời sau. Quả báo này sẽ phải chịu ở mai sau, nên không dứt, là nhân của quả báo này, nhân cũng là nhất định, cũng không thể dứt. Trong đoạn văn vì lược, nên chỉ nói không dứt quả. Nhân quá khứ cảm quả hiện tại, đương lai, thể của nhân đã diệt, làm sao dứt được ư? Dứt nhân ba đời gọi là dứt gốc lành, nghĩa là nếu ở hiện tại có gốc lành, tức là pháp lành hiện tại. Pháp lành này lẽ ra ở quá khứ, tức gốc lành quá khứ. Việc lành trong hiện tại sẽ nối tiếp đến đương lai, tức gọi gốc lành của vị lai. Nay, vì thân này đã thành Nhất-xiển-đề. Vì nghiệp ác đã biểu hiện ở trước, nên gốc lành hiện tại đáng lẽ sinh mà không được sinh, tức cắt đứt gốc lành hiện tại. Nếu gốc lành này sinh, thì chấm dứt quá khứ, vì không sinh, nên chẳng có cái gì để dứt, tức là dứt gốc lành ở quá khứ. Gốc lành này là chủng loại đương lai, lẽ ra sẽ nối tiếp mà không được nối tiếp, tức là sẽ cắt đứt gốc lành ở vị lai.

Nói theo nghĩa thì đoạn văn này là lược. Vì sao? Vì nhân lành hiện tại có công năng cảm quả vị lai. Nay dứt nhân lành hiện tại không khởi, tức là dứt nhân. Đã nói rằng dứt nhân, thì quả sẽ không từ đâu sinh, há không phải là đoạn quả ư? Cũng nên nói rằng, dứt quả vì gián lược, nên chỉ nêu nhân.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói về sinh gốc lành là lý, đều thuộc về ba đời. Nếu quá khứ đã có sinh pháp lành, thì về mặt lý, không thể dứt, chỉ y cứ vào hiện tại, vì ngăn dứt vị lai, nên nói là dứt hai đời. Trong đây nói rằng, dứt nhân ba đời, nghĩa là nếu việc lành khởi ra trong hiện tại, thì việc lành này sẽ dứt ở quá khứ, vì là nhân của quá khứ. Việc lành hiện tại phát ra, bởi năng lực tác dụng của việc lành đã khởi, giúp đỡ lẫn tiếp nhau. Việc lành vị lai sinh khởi, cũng do hiện tại làm nhân. Vì nhân nên làm cho chủng loại nối nhau. Nay, nhân hiện tại đã dứt, tức là nhân lành trong ba đời không khởi, cho nên nói là dứt nhân ba đời.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Phật tánh này có ở vị lai hay ở khắp ba đời?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Gồm có bốn câu hỏi, đây là câu hỏi thứ nhất: “Có pháp không thích ứng ba đời. Nay nhất định thuộc về đời nào?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Gồm có hai câu hỏi: Câu hỏi đầu là “Phật tánh có thuộc về ba đời hay không?” câu hỏi kế là “Xiển-đề ở hiện tại có Phật tánh hay không?” nếu có thì không nên nói dứt gốc lành. Nếu không thì chẳng nên nói là đều có”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Gồm có ba câu hỏi”.

1. Nêu tánh quả để hỏi. Hỏi về người dứt gốc lành có Phật tánh: Phật tánh này ở quá khứ hay ở vị lai? Ở hiện tại, hay ở khắp cả ba đời? Nếu Phật tánh ở khắp ba đời thì làm sao nói là thường?”.

2. Câu hỏi thứ hai: Nếu người dứt gốc lành có Phật tánh là thiện, thì đâu được nói là dứt? Nếu không có Phật tánh, thì làm sao Phật nói là dứt ư?”

3. Ngăn ngừa ý Phật: “Nếu cho rằng vừa có vừa dứt, thì lại càng không được nói Phật tánh là thường?”

Đạo Tuệ ghi: Câu hỏi có ba lớp: Hai lớp như trên, lớp thứ ba nói rằng: “Nếu chẳng phải hoàn toàn có, hoàn toàn không, thì lẽ ra nửa có nửa không, nên nói rằng “Vừa có vừa dứt”?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Vì muốn nêu lên câu hỏi, nên trước, Bồ-tát Ca-diếp quyết định về Phật tánh ở trong ba đời hay ở đời nào? Sau đây sẽ chia thành ba lược để hỏi:”

“Nếu Phật tánh ở quá khứ thì vì sao gọi là thường” cho đến “Ba thật, bốn thiện, năm tịnh, sáu trông thấy?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi thứ hai, xưa không mà nay có, là hiện tại. Đã có, lại không, là quá khứ. Sắp có, chưa khởi, gọi là vị lai. Pháp ở ba đời là vô thường. Phật nói tánh là thường. Kế là dùng nghĩa thường để quyết định, chắc chắn sẽ được, là chứng tỏ vị lai. Chắc chắn có thể trông thấy là chứng tỏ hiện tại. Phật tánh có sáu: Dẫn thuyết của Phật nói: Một là chứng minh tánh thường; hai là chứng minh có thể thấy.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Thứ nhất y cứ vào ba đời, để làm câu hỏi nhất định. Ban đầu là thường, chẳng thuộc về ba đời. Sau, y cứ vào hai đời để trách cứ rằng, khiến thuộc về đời, không thể là thường.”

“Nếu là người dứt gốc lành, mà có Phật tánh” cho đến “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi thứ ba.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Thứ hai là nêu Phật tánh, một câu thiện này là câu hỏi liên quan cả hai: Nếu Xiển-đề có tánh thì không nên nói là dứt điều lành. Nếu việc lành đã dứt, thì tánh lẽ ra không có.”

“Nếu nói Phật tánh vừa có vừa dứt thì sao Đức Như Lai lại nói là thường?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi thứ tư. Ý của bốn câu hỏi đều trách Đức Phật nói không nhất định Pháp sư Trí Tú nói: Thứ ba là dẫn thường giáo mà Phật nói là câu hỏi ngăn dứt. Nếu Phật tánh là thường thì đó là pháp nhất định, nếu không nhất định, thì không được nói là thường.”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Như Lai, Thế tôn” cho đến “Ba là đáp câu hỏi, bốn là trí đáp (đáp bằng cách gác qua không trả lời)”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Là “Ý Phật, tranh cãi, là do chấp nghiêng lệch nên mất Trung đạo. Pháp hiện nay về lý thì khác nhau, nên đáp có bốn cách không thể hoàn toàn có thuyết nhất định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nay trước là dẫn bốn cách đáp với mục đích là đáp theo thứ lớp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chưa chính đáp câu hỏi. Vả lại, nêu Đức Phật có bốn thứ ngữ pháp. Sau đây sẽ giải thích theo thứ lớp, dùng lối đáp theo thứ lớp.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Bốn cách đáp câu hỏi, riêng là pháp môn của một khoa. Nay dùng phân biệt đáp và trí đáp. Vì để giải thích câu hỏi của Bồ-tát Ca-diếp, cho nên trước nêu chung bốn chương môn. Dưới

đây là giải thích riêng.”

Này người thiện nam! Thế nào là đáp nhất định?” cho đến “Có trụ như pháp, đó gọi là đáp nhất định.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì về lý không hai, nên không cần phân biệt, nói là đáp nhất định.”

“Thế nào là phân biệt đáp? Như ta đã nói” cho đến “Gọi là đạo Đế, đó gọi là phân biệt đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thuyết có hai thứ: Pháp thuyết và nghĩa thuyết. Pháp thuyết là chung mà lược, nghĩa thuyết là riêng mà rộng, nên gọi là phân biệt đáp.”

“Thế nào là đáp theo câu hỏi? Như ta đã nói” cho đến “Vì tham, sân, si mà nói tất cả đốt cháy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có nghĩa tự phân biệt, không cần hỏi đáp, nghĩa là tự có pháp chung, nghĩa riêng, phải hỏi rồi đáp sau: Nêu ý chỉ thành thật của Như Lai, để giải thích.”

“Này người thiện nam! Như Lai có mười Lực, bốn Vô sở úy” cho đến “sáu là thấy phần ít, đó gọi là phân biệt đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước đáp câu hỏi thứ hai: “Phật tánh có thường, vô thường, về sự thì phải phân biệt, không thể dùng chấp thường để hỏi”. Bảy việc, là đủ tám tự tại, bốn lạc, bốn tịnh. Vô lậu thấy pháp tánh, đều gọi là chân thật, pháp môn Vô học đều được thấy ít.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Muốn nêu lên câu hỏi thứ hai của Bồ-tát Ca-diếp, nên trước Phật nêu các tính chất của quả địa và pháp Bồ-tát của thân sau, phát ra phân biệt đáp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Mười Lực... cho đến bảy việc của Phật tánh, đều là Phật tánh chất của quả địa. Phật tánh của Bồ-tát thuộc thân sau có sáu. Trong Phật tánh của Thập trụ, phần nhiều nói về tánh “duyên” nhân:

1. Thường: Vì Thập địa thấy phần ít chân ngã là thường, nên nói cũng thường. Kiến giải vô lậu hẳn đã được thì không mất, cũng nói là thường.

2. Tịnh: Dứt bỏ sự nhơ bẩn của phiền não.

3. Chân: không lẫn lộn luống dối.

4. Thật: Thể dụng chẳng luống dối.

5. Thiện: Tâm thanh tịnh thuần túy.

6. Thấy phần ít: Tánh quả rõ ràng như thế.”

Đạo Tuệ ghi: Đáp câu hỏi đầu: “Nói Phật tánh này chẳng ở ba đời,

mà là thường. Các pháp khác thì thuộc ba đời.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đáp câu hỏi đầu: “Nói về Phật tánh dù danh nghĩa là một, nhưng ở quả chứng đắc là bảy, ở nhân là sáu, tức là không nhất định, đâu thể vì nghe nói dứt nhân ba đời, bèn chấp Phật tánh thuộc về ba đời, rồi cho là Vô thường, nêu lên câu hỏi nhất định?”

“Như trước đây ông hỏi: “Người dứt mất gốc lành” cho đến “Được gọi là có, đó gọi là phân biệt đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Xứng với câu hỏi thứ ba của Bồ-tát Ca-diếp, Đức Phật đáp hai câu hỏi về hữu, vô.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nay, nói người dứt gốc lành đều có các Tam-muội như trên và tánh Bồ-tát. Ý đáp: Ông hỏi: “Nếu có, thì không gọi là dứt gốc lành”. Ta nói: “Sẽ có gốc lành”, đâu được nói rằng, tất cả đều có Phật tánh?” ta nói “Vô”, là ở hiện tại, không thể được, vị lai sẽ có, đâu được dứt gốc lành? Hai chướng này ở vị lai, vì hiện tại có phiền não chướng, vị lai sẽ không mau được thành Phật, nên nói là “Vô”, chứ chẳng phải “Vô” mãi mãi, gọi là phân biệt đáp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lại đáp câu hỏi thứ hai rằng: “Người dứt gốc lành cũng có Phật tánh của bảy thứ quả đầu, cũng có tánh của sáu thứ nhân duyên của thập trụ, là hai thứ Phật tánh. Vì che lấp vị lai, nên gọi là vô. Vì nhất định sẽ được, nên nói là có, chỉ vì hiện tại đang bị hoặc ngăn che, nên hai thứ Phật tánh không hiển hiện. Chữ “Bèn” là “Vô”, đâu được nói rằng, người dứt gốc lành không có Phật tánh ư?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Nói về hai thứ Phật tánh: Vì ở hiện tại không có, nên so sánh không ở đoạn. Vì đoạn riêng pháp lành khác, nên nghĩa Xiển-đề được thành. Vì sẽ “Có”, nên nói “đều có”.

“Phật tánh của Như Lai chẳng ở quá khứ, chẳng ở hiện tại” cho đến “Vì chưa thấy đủ, nên gọi là vị lai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Gồm đáp câu hỏi đầu. Hỏi rằng: “Tánh có ba đời. Nay nói chẳng phải ba đời, không thể nói là có, tức thuộc về ba đời. Vì thấy được phần ít, nên gọi là hiện tại. Vì thấy phần ít nên gọi thân sau. Quá khứ chỉ có hai đời. Vì chưa thấy đủ nên gọi là vị lai, nghĩa là chưa thấy đủ, tức thấy phần ít. Thân Hữu học gọi là có quá khứ, vị lai, chứ chẳng phải Vô học.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đáp câu hỏi trước là quá khứ, hay vị lai, hay hiện tại, hay khắp ba đời? Phải lần lượt đáp. Quả Phật chẳng phải ở ba đời, mà là “Duyên” tánh ba đời. “Duyên” thể của nhân vừa là nhân, vừa là quả, nên nói là Phật tánh. Vì nhân là ba đời, nên quả cũng là ba đời. Phật tánh của chánh quả chẳng phải ba đời, nên nói quả chẳng phải

ba đời. Bồ-tát thân sau, nhân “Duyên” quán trí, tức là hạt giống Phật. Một niệm ban đầu này là hiện tại, chưa đầy đủ là vị lai, quá khứ không có. Trí quán của Thập trụ do nhân mà sinh. Vì Phật tánh của quán trí, nên cũng được gọi là Phật tánh. Phật tánh này vừa là pháp có nhân, vừa là pháp có quả, đều là ba đời. Vì chưa có Phật tánh của chánh quả, nên không được nói rằng, chẳng phải ba đời.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đáp câu hỏi đầu, hỏi rằng: “Nếu ba đời, thì tức là vô thường?” Nay đáp: “Tánh có nhân quả. Nếu tánh là quả thường, thì chẳng phải ba đời. Nếu là tánh nhân như Bồ-tát thân sau. Vì thấy ở phần ít, nên cũng được nói là hiện tại. Vì chưa hoàn toàn sáng rõ, nên cũng được nói là vị lai. Nói là nhân hiện tại, vị lai kia, nên nói là “Như vậy”. Thật ra chẳng phải ba đời, nếu khi đắc quả thì sẽ không được như vậy. Chính vì lúc ở nhân, chắc chắn sẽ thấy, nên về nghĩa, nói là sẽ thấy Phật tánh kia. Vì hiện tại thấy phần ít, tức là về nghĩa, nói là thấy, tức chẳng phải ba đời, đâu phải vô thường. Và đến năm thứ, nói về Xiển-đề, vì sẽ phải có, nên cũng được nói có. Mở đầu là phân biệt đáp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ nhất, nói Phật tánh chẳng phải ở trong ba đời, lại không thuộc về ba đời. Phật tánh của thân sau ở ba đời: Đây là nói về “Duyên” tánh nhân, vì hiện tại thấy phần ít, nên được gọi là hiện tại. Vị lai mới được đầy đủ, cũng gọi là vị lai.”

Đạo Tuệ ghi: Đây là giải thích câu hỏi thứ nhất, gồm giải thích câu hỏi thứ hai. Lại nói: “Đây chính là đáp câu hỏi thứ nhất”. Lại nói: “Đây là kết hợp giải thích hai câu hỏi.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Vì sau đây, lẽ ra là đáp câu hỏi thứ hai, gồm giải thích về chỗ ở của tánh nhất định ban đầu, thuộc về ba đời: Tánh nhất định ban đầu kia ở nhân, không thuộc ở quả.”

“Đức Như Lai khi chưa chứng được Vô thượng Bồ-đề” cho đến “Quả cũng như vậy, đó gọi là phân biệt đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Từ Học đến Vô học, nối nhau có hai thuyết, quả của Phật tánh cũng như vậy, nghĩa cũng thuộc ba đời.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu khi chưa được đạo quả Vô thượng, nếu là Phật tánh duyên nhân, thì đều thuộc về ba đời. “Quả” thì không phải như vậy, là tánh của quả Phật. Có ba đời là Thập trụ trở xuống, tánh “Duyên” nhân có khi chẳng phải Phật tánh của quả Phật, nhân Phật tánh của Bồ-tát thân sau cũng thuộc về ba đời. “Quả” cũng như vậy”: đây là tánh duyên nhân quả Thập trụ trở xuống, ý niệm trước là nhân, ý niệm sau là quả, cũng thuộc ba đời”.

“Phật tánh của Bồ-tát Cửu trụ có sáu thứ” cho đến “Quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đã dứt kiết tập, hoặc thô đã diệt, nói thường không đồng thân sau là thường.

Pháp sư Bảo Lượng nói: Đã hoàn toàn ở trong quán, không còn xuất nhập, nên gọi là thường. Bồ tát “Bát trụ trở xuống đến Lục trụ, cho đến vì chưa dứt tập khí kiến chấp, nên nói là vô thường. Vì không có phiền não của ba cõi, nên nói là Thiện.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cửu trụ, Thập trụ đều được gọi là thường. Nhưng Bát trụ trở xuống vì không được gọi là Thường, nên biết được sơ tâm của Bát địa lẽ ra cũng có quán xuất nhập. Trung nhẫn trở lên tuy không có, nhưng không được gọi là thường.”

“Phật tánh của Bồ-tát Ngũ trụ trở xuống đến Sơ Trụ, có năm việc” cho đến “Bốn là có thể thấy; năm là thiện bất thiện.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thiện, Bất Thiện: So với phiền não của ba cõi nên nói là bất thiện.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thiện là “Duyên” nhân, bất thiện là nhân của cảnh giới. Bạc Lục trụ dù có “Hoặc” sâu kín của cõi Vô sắc, là tác dụng của khổ nhẹ, nhưng vì rất ép ngặt tâm, nên không gọi là cảnh giới.”

“Này người thiện nam! Năm thứ Phật tánh này” cho đến “Nên được nói là có, đó gọi là phân biệt đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên tương xứng với câu hỏi thứ ba, đáp cả câu hỏi thứ nhất, phân biệt rộng đã xong. Nay kiết lại câu hỏi thứ ba:

Bảy thứ, sáu thứ là “Duyên” nhân, xiển-đề hiện tại không có Phật tánh. Năm việc có bất thiện, dù là phiền não, nhưng chẳng dứt phiền não thiện, nên đối với xiển-đề cũng có Phật tánh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trên đây đã nói về Phật tánh, người dứt gốc lành, vì có Phật tánh, nên nói là “Có”.”

“Hoặc có thuyết nói: Người dứt gốc lành chắc chắn có Phật tánh, chắc chắn không có Phật tánh, ở đây gọi là trí đáp (đáp bằng cách gác qua một bên).”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là “Đáp câu hỏi thứ tư, nói “Có” là “Có” ở vị lai, “Không có” là “Không có” ở hiện tại. Đáp thì dùng quyết định mà Phật tánh thì không nhất định. Nếu tạo ra thuyết nhất định mà người nghi không quyết định, thì không nên trí đáp. Nếu là thuyết không nhất định, mà nghi về quyết định, thì không cần đáp lại.

Đó gọi là trí đáp.”

Pháp sư Pháp Dao nói: Đây là “Đáp câu hỏi: “Vừa có, vừa dứt?” ở trước vì dứt gốc lành, thành ra không được nói nhất định “Có”. Có thể nói vừa có, vừa không, đây là nói về muôn điều lành là tánh “duyên” nhân.

Pháp sư Bảo Lượng nói: Đây là “Đáp câu hỏi thứ ba. Ý đáp rằng: “Không thể nhất định nói có, không thể nhất định nói dứt. Nếu nói nhất định “Có”, nhất định “Không”, thì đó gọi là trí đáp.”

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Con nghe nói rằng, không đáp” cho đến “Vì sao nguyên nhân đáp mà gọi là Trí đáp?” Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Như kinh khác chép: Không đáp gọi là trí đáp nên mới nêu câu hỏi.”

Này người thiện nam! Ta cũng không nói “Gác qua không đáp”, mới nói là trí đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói ít. Đáng lẽ nên nói rằng: Chẳng những nói gác qua không đáp, mới gọi là trí đáp, về nghĩa của lời đáp này sẽ được giải thích ở dưới.

Này người thiện nam! Đáp một cách yên lặng như vậy còn có hai cách” cho đến “Do nghĩa này nên được gọi là trí đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

1. Không đáp, gọi “Trí”.

2. Đáp mà gác lại, không đáp mà gác lại, nghĩa là đình chỉ các câu hỏi vô nghĩa. Đáp mà gác lại.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tự có không đáp cũng gọi là trí đáp, tự có đáp mà quả trách cho dừng, không giải thích cho họ rõ, cũng gọi trí đáp. Nay Phật dùng cách giải thích sau, nên nói rằng ngăn dứt, chớ chấp đắm.”

Pháp sư Đạo Tuệ ghi rằng: “Ta cũng không nói gác qua mà không đáp; không đáp mới gọi là trí đáp”. Lại nói: “Cũng không nói không đáp là trí đáp. Lại nói cũng không nói gác qua mà không đáp, đó là gác qua là đáp: Một là vì ngăn dứt nên ngăn dứt chấp của ngoại đạo kia; hai là dừng chấp đắm, không cho ngoại đạo kia nhất định chấp đắm. Hai cách đáp gác lại đều có chung hai nghĩa này. Lại nói: “Ngăn dứt: Là nói trí đáp; dừng chấp đắm: Là im lặng trí đáp.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên chưa nói về thể của nhân, nay lại hỏi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lại hỏi phát ra tướng, của thể, giúp cho người hiểu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ở trên, đã giải thích quả Phật chẳng phải ba đời, nghĩa ấy mới rõ ràng, chỉ vì danh từ lẫn lộn với sinh tử, nên Bồ-tát Ca-diếp mới nêu lên câu hỏi, để làm sáng tỏ ý chỉ này.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Ở trên dù đã nói về tánh, từ nghĩa gồm thân nhưng không gồm thân nhân quả ba đời, nhưng không ngoài thể của ba đời. Nay, nêu câu hỏi để làm rõ.”

Phật nói: “Này người thiện nam! Năm ấm có hai thứ” cho đến “Cũng không phải quá khứ, hiện tại, vị lai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Khấp” này là ở trong nhân, bắt đầu là nhân, Kim cương là quả, vẫn là hữu vi, không khỏi ba đời. Nói “Cũng chẳng phải”, nghĩa là quả Phật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Quả và nhân đều thuộc ba đời. Năm ấm của ý nghĩ trước là nhân, năm ấm của ý nghĩ sau là quả, nên nhân, quả đều có ba đời chẳng phải ba đời, nghĩa là chỉ có tánh của quả Phật là riêng thoát.”

Pháp sư Trí Tú nói: Đây “Chính là đáp câu hỏi nếu là địa vị biến dịch, thì kèm theo ứng thân, nên đủ năm.”

“Này người thiện nam! Tất cả các kiết sử phiền não vô minh” cho đến “Phật tánh của Như Lai giống như đề hồ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tánh của chánh nhân. Ở trên đã nói Phật tánh của Phật và Thập địa khác nhau, chưa nói về Phật tánh của phàm phu. Nay từ phàm phu đến địa vị Phật, lại dùng thuyết ví dụ để giải thích về tính chất tinh tế, thô cạn của Phật tánh kia. Được năm ấm thiện là hữu lậu thiện của tánh duyên nhân. Tu-đà-hoàn trở lên, là nói về vô lậu có tinh tế, thô cạn, là từ chánh nhân sinh ra.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở đây nói về tánh của chánh nhân. Nói thân minh này có công năng sinh ra năm ấm thiện, cho đến Bồ-đề, vì chúng sinh như huyết tạp nhạp, vì có phiền não ở thể. Như chúng sinh đều do tinh huyết mà thành. Nói dù có Phật tánh, nhưng phải thực hành muôn điều lành, mới được thành Phật. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm đồng dứt tư duy cõi Dục chưa hết, vì có một ít pháp lành, Phật tánh như sữa. Na-hàm dứt hết “Hoặc” cõi Dục, ví như lạc. La-hán dứt hết “Hoặc” ba cõi, ví như bơ sống, Duyên giác đến Bồ-tát Thập địa dứt hết “Hoặc” ngoài ba cõi, như bơ chín, Phật như đề hồ.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phân biệt hai câu hỏi đã xong. Lại gồm thân tất cả muôn pháp, tử vô minh..., chẳng có pháp nào không phải

Phật tánh, hoặc chánh nhân, hoặc duyên nhân của cảnh giới, đều tùy nghĩa đã nhận lấy. Vì đều có công năng giúp cho quả, cho nên là Phật tánh.

Nói chung đã xong, vì muốn cho ý chỉ của Phật tánh không bỏ sót nên vẫn nói bao gồm cả phàm phu, giúp cho mọi việc đều được tường tận. Vì lẽ đó, nên nói về Phật tánh của chúng sinh, như sữa pha lẫn với máu, nghĩa thiện, ác chưa phân, nên nói lẫn lộn. Cho đến các cấp Phật tánh của chúng sinh đều khác nhau, như văn đã nói.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Ở trên chỉ nói về Bồ-tát, không nói phàm phu và các Tiểu thánh, lại tuy nói về Phật tánh có thể được, vì y theo trong nhân, mọi người nói là khác nhau, nhưng chưa giải thích lý do, nên trong đây đều giải thích rõ ràng, nói các pháp trong nhân đều có nghĩa để được, đây là điểm khác nhau.”

“Này người thiện nam! Phiền não hiện tại” cho đến “Người dứt gốc lành có Phật tánh hay không?”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Người dứt gốc lành có Phật tánh hay không?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói rộng về trí đáp ở trên. Vị lai chưa khởi, Xiển-đề không nên nói là có Phật tánh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu hỏi vẫn chấp hữu vi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói về nghĩa, ý chỉ sinh trở lại của kiết côi Dục, chương thô, nên Bồ-tát Ca-diếp lại nêu lên câu hỏi này.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Bồ-tát Ca-diếp vì cũng chưa thông suốt, cho nên có câu hỏi.”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Như các chúng sinh” cho đến “Nhờ nhân duyên năng lực Phật tánh, nên gốc lành sẽ được sinh trở lại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phàm “Có”, nghĩa là có ba đời. Chúng sinh là giả gọi của sự nối nhau, gom ba đời thành một “Hữu”, đều thuộc ba đời. Không bao giờ sinh ra quả, nghĩa là nói chưa đến nỗi vô dụng. Có ba công dụng khác nhau, hiện đang có thì năng đoạn chưa có sẽ sinh, nên nói “Nhất định là không”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Có nghiệp quá khứ, đã có quả ở hiện tại. Nghiệp vị lai vì chưa khởi, nên không thể có quả. Phật tánh mới chẳng ở ba đời, mà vì hiện đang có phiền não nên nghiệp lành sẽ không có. Vì không thấy Phật tánh, nên về nghĩa nói là dứt. Do nhân duyên Phật tánh ở vị lai, nên được sinh gốc lành trở lại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nay Phật lại dùng ví dụ để nói, như

chúng sinh vì có nghiệp quá khứ, nên vời lấy quả hiện tại. Dù có vị lai, nhưng vì nghiệp chưa có, nên không thể sinh quả. Dù quả chưa sinh nhưng vì nhân duyên phiền não hiện tại, nên sẽ dứt gốc lành. Do năng lực nhân duyên của nghiệp lành ở vị lai, nên sẽ sinh trở lại.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đức Phật y cứ vào nghiệp để nói về nghĩa: Hễ có nghiệp thì được quả, có chúng sinh thì sẽ được quả vị Phật, nên nói có Phật tánh”.

Bồ tát ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Vị lai làm sao có thể sinh gốc lành?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên đã nói chưa sinh thì sẽ không có quả. Nay hỏi về nghĩa “Sinh” đó.”

Đạo Tuệ ghi: “Ý hỏi: “Vì vị lai không có pháp lành, thì làm sao sinh ra pháp lành?”

“Này người thiện nam! Giống như ngọn đèn và mặt trời” cho đến “Cũng giống như vậy, đó gọi là phân biệt đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Pháp khởi gọi sinh. Tánh mặt trời là sáng. Dù rằng chưa mọc nhưng bản chất nó không tối tăm, gọi là xua tan bóng tối. Tánh thiện, ác, tự trái nhau. Hễ thiện sinh thì ác diệt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Người này nhờ pháp lành ở quá khứ làm nhân, Thiện tri thức ở hiện tại làm duyên có công năng dứt ác sinh thiện.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Mặt trời dù chưa xuất hiện, nhưng tánh có công năng xua tan bóng tối. Phật tánh ở vị lai, có công năng sinh ra gốc lành. Người kia như ví dụ này, là ví dụ phần ít, là tin tức tốt, hãy nên nhận lấy.”

Bồ tát ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Phật tánh của chúng sinh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói rộng về phân biệt để giải đáp ở trên, do chấp nghiêng lệch sinh ra tranh luận. Cuối cùng dứt gốc lành, phân biệt Trung đạo, bỏ chấp nghiêng lệch. Ở đây, đều đáp lại nghĩa của thuyết không nhất định.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Sắc ấm là ngoài, bốn ấm là trong, tánh của “Duyên” nhân. Phật tánh chánh nhân chẳng phải sắc, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Từ trước đến nay, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải có, chẳng phải không, là nghĩa Trung đạo. Cho nên nêu câu hỏi này.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là phần ba của đoạn lớn. Nếu nói được ý chỉ, thì không cần nói lại, cũng như vì người chưa hiểu, nên phải

như vậy. Y theo “Sinh lại” của lời giải thích trên, để nói Phật tánh thuộc về ba đời, thành Phật ở tương lai, vì phải tu điều lành, mới được thành Phật. Từ quán Trung đạo dưới đây, là vì kế là nói về Trung đạo này, gồm có bảy đoạn:

1. Hợp dụng nói Trung đạo.
2. Chẳng phải có, chẳng phải không, để giải thích thành trong, ngoài, để nói về Trung đạo.
3. Mượn sữa, lạc để quở trách chấp, để nói về Trung đạo.
4. Nói Như Lai có tùy tự ý ngữ, nói đối tượng hiểu biết của Như Lai, khác với phàm phu, chính là dùng bất thiện, để giải thích nhân quả của các pháp, tùy chúng sinh mà nói, đâu nên theo lời nói mà sinh chấp đắm ư?
5. Nói mượn bảy thứ ngữ để quở trách chấp đắm: Có nhân ngữ, quả ngữ. Tự nói có quả trong nhân, tự nói có nhân trong quả, sao lại sinh chấp các ngữ này?
6. Trở lại nhân quả nhất định, nói lúc có quả không có nhân, khi có nhân thì đâu thể đã có quả?
7. Mượn bảy hạng người làm ví dụ để giải thích, sao lại cho rằng, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, nghĩa là hỏi câu đáp trước của Phật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây là đoạn lớn thứ hai, nói về quả Phật của Trung đạo. Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Phẩm Sư tử Hống ở trên đã nói quả chẳng phải “Đã” “Có” trong chánh nhân, cũng chẳng phải “Duyên” “Đã có” trong nhân. Nhưng vì không lìa năm ấm mà có, nên nói chẳng phải trong, chẳng phải ngoài”. Nay, trong đây nói tất cả pháp thiện, ác đều là Phật tánh. Vì e rằng, tâm người mê hoặc, nên Bồ-tát Ca-diếp nhận lầm, tức nắm lấy ngữ trên để hỏi: “Nếu tất cả pháp đều là Phật tánh, thì ở đây chẳng có một pháp nào không phải, vì sao ở trên lại nói “Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài ư?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Ở trên đã nói “Tánh dương lai là cái “Có” của chúng sinh”. Lại nói: “Tức là năm ấm, e rằng tâm chúng sinh chấp nghiêng lệch, sử dụng trái lý”. Đây là đoạn lớn thứ ba, vì dứt trừ chấp mê hoặc, nên nói về Trung đạo, để làm sáng tỏ tánh của quả đương lai, chẳng phải có, không, lìa trong ngoài. Có ba phần:

1. Từ đây đến cuối ba thứ, chính là làm sáng tỏ tánh Trung đạo: Chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, lìa hữu, vô.
2. Ở cuối ví dụ sông Hằng, sau cùng “Tùy ý ngữ”. Nêu như ý ngữ

để được tùy duyên, nói thành nhiều thứ, hướng chi nói Phật tánh mà không thể chấp nhất định ư?

3. Phân biệt sự khác nhau giữa hư không và Phật tánh.

“Phật nói: Nay người thiện nam! Vì sao” cho đến “Phật tánh của chúng sinh là trung đạo ư”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Rằng, trước đây ông đã hiểu, hiểu rồi thì không nên hỏi nữa, mà nay lại hỏi, tức là mất đi kiến giải!”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chỉ ra phẩm Sư tử Hống ở trước đã xong, nói rộng về Trung đạo, nay không nên hỏi lại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý Phật trong đây rằng: “Lời ta nói, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, là tánh của quả chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, đó là Trung đạo, sao tự nhiên ông quên mất ý đó mà nêu câu hỏi này?”

Pháp sư Tuệ Lãng nói lại lời Pháp sư Đàm Ái rằng: “Ở trên Phật đã nói năm ấm bất thiện, năm ấm thiện đều là Phật tánh, nên Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi: “Nếu cho năm ấm là Phật tánh, thì sao Phật lại nói chẳng phải trong, chẳng phải ngoài ư?”

“Vì muốn giải thích rộng hai thứ Trung đạo trong ngoài, hữu, vô.”

Đạo Tuệ ghi: Bạc Thánh nói lý Trung đạo không nhất định. Đã không thể chấp cố định, sao chúng sinh lại tạo nên chấp nhất định ư? Vì muốn chúng sinh sớm từ bỏ mọi chấp đắm, hầu được hội nhập Trung đạo, nên mới nêu lên câu hỏi này!”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Thật ra con không quên” cho đến “Vì không thể hiểu được, nên mới nêu câu hỏi này”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát Ca-diếp tiếp nối ý chỉ của Phật, vẫn quét sạch dấu vết”.

“Nay người thiện nam! Chúng sinh không hiểu, tức là Trung đạo. Đôi khi có người hiểu, đôi khi có người không hiểu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói tất cả pháp đều là Trung đạo, không nên chấp nghiêng lệch.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chúng sinh không hiểu, tức là Trung đạo. Nghĩa là không hiểu tức mê lầm (hoặc). Lúc mê lầm thì không hiểu biết, đây là “Chẳng phải trong”. Khi hiểu hết rồi thì không còn mê lầm, đây là “Chẳng phải ngoài”, nên nói tức là Trung đạo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cho rằng chúng sinh không hiểu, vì không có tự tánh, kể là ở dưới đây nói: “Đôi khi hiểu, đôi khi không

hiểu. Hiểu và không hiểu cả hai đều từ duyên. Chúng sinh cũng từ duyên, tướng và vô tướng đều là Trung đạo, chỉ giúp sao cho không chấp, dễ hiểu, không hiểu kia đều là không thật. Nếu không như vậy, thì tức là chấp nghiêng lệch.”

Đạo Tuệ ghi: chúa văn Trung đạo thành tám đoạn:

1. Nói trong, ngoài Trung đạo.
2. Nói về “Có”.
3. Bỏ chấp.
4. Chỉ rõ ba thứ ngữ, cũng là bỏ chấp.
5. Nói về bảy thứ ngữ.
6. Phân biệt nhân quả nhất định.
7. Dùng bảy hạng người để ví dụ chung về nhân quả.
8. Nghiêng về quả làm ví dụ.

Đoạn thứ nhất này nói về trong, ngoài, trung đạo.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Bồ-tát Ca-diếp đã bày tỏ ý chấp của chúng sinh, ý vì chúng sinh, dưới đây, Đức Phật sẽ chỉ bày rộng, rõ ràng về Trung đạo.”

“Này người thiện nam! Ta vì chúng sinh mà mở bày hiểu biết, nên nói rằng: Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Hai thứ dưới đây nói về Trung đạo. Sau đây là thứ nhất, trước nói Trung đạo chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, để phá chấp của người. Sau là thứ hai, mượn sáu thứ nhân duyên: Hư không, sừng thỏ..., nói về Trung đạo: “Chẳng phải hữu, chẳng phải vô”.

“Vì sao phàm phu chúng sinh, hoặc nói Phật tánh” cho đến “Lìa ấm mà có Phật tánh, giống như hư không.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu lên chấp khác, sơ lược có hai thứ:

1. Quả trong đồ đựng: Dù đồ đựng không có quả, mà tánh ở trong ấm, lìa ấm thì vô.

2. Như hư không: Phật tánh là thường, năm ấm vô thường, như tánh hư không chẳng thuộc về năm ấm.”

“Cho nên Như Lai nói nghĩa Trung đạo” cho đến “Nên gọi là Trung đạo, đây là phân biệt đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thường là tánh của quả, vô thường là tánh của nhân, cả hai đều là tánh không nghiêng lệch, gọi là Trung.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Điều mà phàm phu chấp, về lý thì không

đúng với lý Phật tánh, lý chẳng phải trong ngoài. Trước nêu sáu nhập, để làm rõ nghĩa. Nếu chỉ nói trong, cả hai đều không thích hợp thì nay, nói rằng Phật tánh phải trong, ngoài hợp dùng, tức có chánh nhân, tức có nhân cảnh giới, không lìa nhân này mà thành, nên y cứ vào công đức hợp dụng để làm Trung đạo.”

Y cứ vào phần nói về hợp dụng có năm lượt, đây là lượt thứ nhất.

“Lại nữa, này người thiện nam! Thế nào gọi là chẳng phải trong, chẳng phải ngoài” cho đến “Đó gọi là phân biệt đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lượt thứ hai, y cứ vào duyên, nhân để nói về hợp dụng.

Lại nữa, “Này người thiện nam! Có người nói rằng Phật tánh” cho đến “Cũng gọi trong, ngoài, đó gọi là Trung đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lượt thứ ba y cứ chân ứng trong quả, để nói về hợp dụng.”

“Lại nữa, này người thiện nam! Hoặc có thuyết nói” cho đến “Vừa trong, vừa ngoài, đó gọi là Trung đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lượt thứ tư, y cứ vào văn tuệ, tư tuệ để nói về hợp dụng.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Lại có thuyết nói” cho đến “Vừa trong, vừa ngoài, đó gọi là Trung đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lượt thứ năm, lược nêu hạnh để nói về hợp dụng, với đại ý vì chỉ rõ nhân quả chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Chi lưu có năm lượt này, để nói về hợp dụng.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Hoặc có thuyết nói” cho đến “Vừa trong, vừa ngoài, đó gọi là Trung đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Ngọc báu vì thường hiện là trong, kho vàng vì không hiện là ngoài.”

“Này người thiện nam! Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có, chẳng phải vô” cho đến “Phật tánh chúng sinh chẳng phải có, chẳng phải vô.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Về Trung đạo hữu, vô nối nhau. Hư không đối với người chẳng thể thấy có thường, chẳng thể thấy nhất định có. Phật tánh cũng chẳng thể thấy có, chẳng phải thường, chẳng thể thấy không nhất định có. Hữu chẳng đồng với không, là hữu Trung đạo. Sừng thỏ đối với người là vô, nhất định vô. Phật tánh đối với người là vô nhất định vô, là vô Trung đạo.”

Chẳng phải hữu, chẳng phải vô, là chẳng phải cái “Có” của hư không, chẳng phải vô của sừng thỏ. Cũng có là sẽ có, cũng vô là hiện

vô.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là phần hai, dùng chẳng phải có, chẳng phải không để giải thích trong, ngoài ý nói sử dĩ như thế là vì chẳng phải có nên chẳng phải trong. Chính vì chẳng phải vô, nên chẳng phải ngoài. Phật tánh dù có, nhưng chẳng phải như hư không, là nói vì thể của hư không là vô, nên thấy ở người có dụng. Phật tánh dù thấy vô mà sẽ phải có, chẳng đồng với không, vì vô nên khác với sừng thỏ: Nói sừng thỏ là mãi mãi không có. Tánh này chẳng phải mãi mãi không có, cho nên không đồng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ngoại đạo chấp hư không là pháp có tánh nhất định. Nhưng Phật tánh dù có, mà là cái có của “Sẽ có”, khác với “Cái có” mà ngoại đạo chấp. Lại, khác với cái “Không” của sừng thỏ. Sừng thỏ tất nhiên không sinh, Phật tánh có khả năng sinh, đâu được đồng với cái mãi mãi “Không có” này.”

Đạo Tuệ ghi: Nói về hư không ở hiện tại dù có, nhưng hư không chẳng bao giờ thể nhìn thấy, mà “Cái có” của Phật tánh có thể dùng mắt tâm, để nhìn thấy rõ ràng. Trong tức là “Có”, ngoài tức là vô, vì chẳng trong, nên chẳng phải có, vì chẳng phải ngoài, nên chẳng phải không, cho nên là Trung đạo hữu, vô.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Lượt thứ hai, mượn sáu nhân duyên để giải thích Trung đạo chẳng phải có, chẳng phải không. Đây là nhân duyên thứ nhất.”

“Này người thiện nam! Nếu có người hỏi: “Trong hạt giống này” cho đến “Phật tánh của chúng sinh cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dùng ví dụ để chỉ bày ý chỉ của Phật tánh. Thời gian có khác nhưng thể của Phật tánh vẫn là một. Hoa quả là phần của cây mà cây là phần của hữu”. Về phần của cây thì khác nhau về thời gian, còn phần của có thì thể là một. Thể một thì “Có”, thời gian khác nhau thì “Không”.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói về các pháp chẳng phải trước “Có”, “Không”, huống chi Phật tánh chánh nhân chẳng phải “Có”, “Không”.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ngoại đạo chấp rằng: “Năng lực bốn đại bên ngoài mạnh, có thể nuôi lớn bốn đại bên trong, mà năng lực bốn đại bên trong yếu, không thể nuôi lớn bốn đại bên ngoài. Nay Phật nói “Không” như vậy là “Không” năng lực bốn đại bên ngoài, có thể chỉ nuôi lớn bốn đại bên trong. Vì sao? Vì như hạt lúa là bên trong, đất, nước... là bên ngoài. Nếu nói vì sức mạnh có thể nuôi lớn, thì vì sao

nước, đất và hạt lúa không đều mọc ngay mà phải đợi thời gian sau mới mọc? Thật ra không phải như vậy, phải biết rằng, trước có hạt lúa làm chánh nhân, sau có nước, đất... làm “Duyên nhân”, nên theo thứ lớp được sinh, đầu tiếp nhận trực tiếp năng lực bốn đại bên ngoài, có thể nuôi lớn cho bốn đại bên trong được ư?”

Pháp sư Trí Tú nói: Đây là “Nhân duyên thứ hai, nhờ giải thích hạt giống để nói về lý. Vì sao? Vì lấy ý trái nghịch ở dưới để chế phục câu hỏi, nói dù là quả, nhưng không “Tức” hạt mà có quả, tất nhiên quan hệ với hạt. Dù thời gian trước, sau mà đầu cuối được thành, không khác với một giả, nên được nói là hạt có từ quả.”

“Nếu nói rằng trong chúng sinh có Phật tánh” cho đến “Chắc chắn đáp rằng: “Vừa sinh, vừa bất sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã giải thích Trung đạo xong, nay nêu Phật tánh để nói trái với Trung đạo: Có tịnh, bất tịnh, nghĩa là giải thích Học và Vô học nối nhau là một. Bất tịnh gọi là Học, gọi là chúng sinh. Tịnh gọi là Vô học, gọi là Phật, đầu chấp nhận trong học, có Vô học riêng ư? Nên nhất định nói rằng, vừa sinh, vừa không sinh, ý chỉ của Trung đạo đã rõ ràng, kiết khuyển làm cho chúng sinh biết được yếu chỉ của lời đáp nhất định.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Lại giải thích một câu hỏi. “Duyên” nghe thuyết trên đã nói và chế phục câu hỏi, bèn sinh chấp rằng: “Có riêng pháp quả đã ở trong nhân. Nay, nói chúng sinh tức là, không khác với giả để nói chúng sinh sẽ được thành Phật, nên nói “Tức là”, dùng nghĩa mà suy ra, không được có pháp quả riêng đã ở trong nhân.”

